

**TRUNG TÂM TƯ VẤN
VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/CV-TTMTrg

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2023

V/v bổ sung thông số thực hiện quan trắc
môi trường lao động

CỤC QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG Y TẾ

Số: ...1371...
Ngày: 02/03/23...
ĐẾN

Kính gửi: Cục Quản lý Môi trường Y tế

Chuyên: ... Căn cứ Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

Căn cứ công văn số 01/MT-LĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 của Cục Quản lý Môi trường Y tế về việc công bố đủ điều kiện thực hiện quan trắc môi trường lao động của Trung tâm Tư vấn và Truyền thông Môi trường.

Sau một thời gian hoạt động căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế và nhân lực của trung tâm, Trung tâm Tư vấn và Truyền thông Môi trường làm công văn gửi Cục quản lý môi trường y tế, xin bổ sung thông số phục vụ quan trắc môi trường lao động.

Hồ sơ bao gồm:

1. Hướng dẫn sử dụng thiết bị;
2. Hướng dẫn lấy mẫu và phân tích

Trung tâm Tư vấn và Truyền thông Môi trường kính báo cáo Cục Quản lý Môi trường Y tế về việc cập nhập danh sách nhân sự.

Mọi chi tiết xin vui lòng liên hệ Phòng thí nghiệm của Trung tâm Tư vấn và Truyền thông Môi trường địa chỉ: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài Phát sóng Phát thanh Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
Điện thoại: 0243.237.3961; Email: Trungtammt@ceca.org.vn.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT (03 bản).

**TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ
TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG**



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Minh



**DANH MỤC THÔNG SỐ QUAN TRẮC
MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG XIN BỔ SUNG NĂM 2023**

1. Thông số đo tại hiện trường

STT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Dải đo/Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo
1.	Bụi PM 2.5	- AS/NZS 3580.9.6:2003 - Máy đo hiện số: TSI DUSTTRAK 8520	0.001mg/m ³ - 250g/m ³
2.	Bụi PM10	- AS/NZS 3580.9.6:2003 - Máy đo hiện số: TSI DUSTTRAK 8520	0.001mg/m ³ - 250g/m ³
3.	Phóng xạ - Tia X - Bức xạ ion hóa	-TQKT 2015 -Máy đo TENMARS TM -93	0,03– 1400 mSv/h

2. Thông số lấy mẫu hiện trường

STT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Tốc độ hút
1.	Cl ₂	- Masa 202 - Máy GilAir Plus	(0 ÷ 2) Lít/phút 0,02 - 5 lít/phút
2.	HBr	- NIOSH Method 7907 - Máy GilAir Plus	(0 ÷ 2) Lít/phút 0,02 - 5 lít/phút
3.	H ₃ PO ₄	- NIOSH Method 7908 - Máy GilAir Plus	(0 ÷ 2) Lít/phút 0,02 - 5 lít/phút
4.	Bụi amiăng	- TQKT 2015 - Máy lấy mẫu C2p hoặc Staplex	(0 ÷ 2) Lít/phút (0 ÷ 2000) lít/phút
5.	Bụi kim loại (Al, Ag)	- TQKT 2015 - OSHA method ID 121 - Máy lấy mẫu GilAir Plus	0,02 - 5 lít/phút
6.	Hơi kim loại và ion kim loại (CrO ₃ , TiO ₂ AsH ₃ , Cr ³⁺ , Cr ⁶⁺ , CrO ₃ , CuO, CuO ₂ , ZnO, SeO ₂ , Fe ₂ O ₃).	- TQKT 2015 - OSHA method ID 121 - Máy lấy mẫu GilAir Plus	0,02 - 5 lít/phút
7.	Bụi than	- TQKT 2015 - Máy lấy mẫu Staplex	(0 ÷ 2) Lít/phút (0 ÷ 2000) lít/phút
8.	Bụi bông;	- TQKT 2015 - Máy lấy mẫu Staplex	(0 ÷ 2) Lít/phút (0 ÷ 2000) lít/phút
9.	Amyl acetate	- Niosh Method 2549 - Máy lấy mẫu GilAir Plus	0,02 - 5 lít/phút

1
V
N
C
V
A
N
T
A
4
T

STT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Tốc độ hút
10.	Butyl Amine	- Niosh Method 2012 - Máy lấy mẫu GilAir Plus	0,02 - 5 lít/phút
11.	Cyclohexanone	- Niosh Method 1300 - Máy lấy mẫu GilAir Plus	0,02 - 5 lít/phút
12.	Dichlorobenzene	- Niosh Method 1003 - Máy lấy mẫu GilAir Plus	0,02 - 5 lít/phút
13.	Dichloroethane	- Niosh Method 1003 - Máy lấy mẫu GilAir Plus	0,02 - 5 lít/phút
14.	1,1- Dichloroethylene	- Niosh Method 1003 - Máy lấy mẫu GilAir Plus	0,02 - 5 lít/phút
15.	Dichloromethane	- Niosh Method 1005 - Máy lấy mẫu GilAir Plus	0,02 - 5 lít/phút
16.	1,1,2 -Trichlorethane	- Niosh Method 1003 - Máy lấy mẫu GilAir Plus	0,02 - 5 lít/phút
17.	1,2 Dichlopropane	- Niosh Method 1013 - Máy lấy mẫu GilAir Plus	0,02 - 5 lít/phút
18.	1,2- dichlorethene	- Niosh Method 1003 - Máy lấy mẫu GilAir Plus	0,02 - 5 lít/phút
19.	Dietylamin	- Niosh Method 2010 - Máy lấy mẫu GilAir Plus	0,02 - 5 lít/phút
20.	Ethylamine	- Niosh Method 2540 - Máy lấy mẫu GilAir Plus	0,02 - 5 lít/phút
21.	Etylendiamin	- Niosh Method 2540 - Máy lấy mẫu GilAir Plus	0,02 - 5 lít/phút
22.	Ethyl Acrylate	- Niosh Method 1450 - Máy lấy mẫu GilAir Plus	0,02 - 5 lít/phút
23.	Ethyl Benzen	- Niosh Method 1501 - Máy lấy mẫu GilAir Plus	0,02 - 5 lít/phút
24.	Isopropanol (IPA)	- Niosh Method 1400 - Máy lấy mẫu GilAir Plus	0,02 - 5 lít/phút
25.	Isobutyl Acetate	- Niosh Method 1450 - Máy lấy mẫu GilAir Plus	0,02 - 5 lít/phút
26.	Isopropy amine	- Niosh Method 1501 - Máy lấy mẫu GilAir Plus	0,02 - 5 lít/phút
27.	Methylcyclohexane	- Niosh Method 1500 - Máy lấy mẫu GilAir Plus	0,02 - 5 lít/phút
28.	Metylen clorua	- Niosh Method 1005 - Máy lấy mẫu GilAir Plus	0,02 - 5 lít/phút

STT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Tốc độ hút
29.	Metyl clorua	- Niosh Method 1001 - Máy lấy mẫu GilAir Plus	0,02 - 5 lít/phút
30.	Metyl cloroform	- Niosh Method 1003 - Máy lấy mẫu GilAir Plus	0,02 - 5 lít/phút
31.	Metan	- Masa 101 - Máy lấy mẫu GilAir Plus	0,02 - 5 lít/phút
32.	Nitro ethane	- Niosh Method 2526 - Máy lấy mẫu GilAir Plus	0,02 - 5 lít/phút
33.	Nitro methane	- Niosh Method 2527 - Máy lấy mẫu GilAir Plus	0,02 - 5 lít/phút
34.	Nitrotoluene	- Niosh Method 2005 - Máy lấy mẫu GilAir Plus	0,02 - 5 lít/phút
35.	Nitrobenzen	- Niosh Method 2005 - Máy lấy mẫu GilAir Plus	0,02 - 5 lít/phút
36.	Propanol	- EPA TO-17 - Máy lấy mẫu GilAir Plus	0,02 - 5 lít/phút
37.	propylenoxit	- Niosh Method 2549 - Máy lấy mẫu GilAir Plus	0,02 - 5 lít/phút
38.	Tetrachloroethylene	- Niosh Method 1003 - Máy lấy mẫu GilAir Plus	0,02 - 5 lít/phút
39.	Tetrachloromatane	- Niosh Method 1019 - Máy lấy mẫu GilAir Plus	0,02 - 5 lít/phút
40.	Trietylamin	- OSHA PV2060 - Máy lấy mẫu GilAir Plus	0,02 - 5 lít/phút
41.	Tetrahydrofural	- Niosh Method 1609 - Máy lấy mẫu GilAir Plus	0,02 - 5 lít/phút
42.	Xăng	- TQKT 2002 - Máy lấy mẫu GilAir Plus	0,02 - 5 lít/phút
43.	P ₄	- TQKT 2015 - Máy GilAir Plus	(0 ÷ 2) Lít/phút 0,02 - 5 lít/phút

3. Thông số phân tích trong phòng thí nghiệm

STT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn đo/Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo
1.	H ₃ PO ₄	NIOSH Method 7908	0,005 mg/l
2.	Bụi amiang	TQKT 2015	0,001 mg/l
3.	Cl ₂	Masa 202	0,005 mg/l
4.	HBr	NIOSH Method 7907	0,006 mg/l
5.	Al	QCVN 03:2019-BYT	0,005 mg/l
6.	AsH ₃	QCVN 03:2019-BYT	0,01 mg/l
7.	CrO ₃	QCVN 03:2019-BYT	0,01 mg/l
8.	CuO	QCVN 03:2019-BYT	0,01 mg/l
9.	CuO ₂	QCVN 03:2019-BYT	0,01 mg/l
10.	SeO ₂	QCVN 03:2019-BYT	0,01 mg/l
11.	Amyl Axetate	NIOSH 1450	0,015 mg/l
12.	Ethyl Acrylate	NIOSH 1450	0,015 mg/l
13.	Isobutyl Acetate	NIOSH 1450	0,015 mg/l
14.	Isopropanol	NIOSH 1400	0,030 mg/l
15.	Propanol	NIOSH 1401	0,03 mg/l
16.	Xăng	QCVN 03:2019-BYT	0,03 mg/l

TRƯỜNG VIỆN

